

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K5 NĂM 2016

Tháng 2 năm 2016

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	3 Lào	1.351	1381	30	12.870	386.100	
102	4 Lào	1.004	1026	22	12.870	283.140	
103	4 Lào	1.540	1587	47	12.870	604.890	
104	3	579	581	2	12.870	25.740	
105	Phòng trực	493			12.870		
106	8	732	735	3	12.870	38.610	
107	P SHC	207			12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	978	980	2	12.870	25.740	
110	8	1.148	1150	2	12.870	25.740	
111	6	661	668	7	12.870	90.090	
112	7	737	739	2	12.870	25.740	
113	8	670	673	3	12.870	38.610	
114	8	677	680	3	12.870	38.610	
201	8	1.066	1069	3	12.870	38.610	
202	0	1.269	1270	1	12.870	12.870	
203	8	934	938	4	12.870	51.480	
204	8	1.255	1260	5	12.870	64.350	
205	8	1.193	1195	2	12.870	25.740	
206	7	1.129	1132	3	12.870	38.610	
207	8	1.012	1015	3	12.870	38.610	
208	8	1.091	1093	2	12.870	25.740	
209	8	1.210	1215	5	12.870	64.350	
210	8	682	688	6	12.870	77.220	
211	6	920	925	5	12.870	64.350	
212	5	982	985	3	12.870	38.610	
213	7	1.033	1036	3	12.870	38.610	
214	8	889	891	2	12.870	25.740	
301	0	795	798	3	12.870	38.610	
302	8	27	30	3	12.870	38.610	
303	8	933	937	4	12.870	51.480	
304	0	886	889	3	12.870	38.610	
305	8	871	876	5	12.870	64.350	
306	8	1.089	1090	1	12.870	12.870	
307	P SHC				12.870	0	
308					12.870	0	
309	8	853	857	4	12.870	51.480	
310	5	821	827	6	12.870	77.220	

311	7	914	918	4	12.870	51.480	
312	8	804	809	5	12.870	64.350	
313	0	642	645	3	12.870	38.610	
314	8	758	759	1	12.870	12.870	
401	5	815	819	4	12.870	51.480	
402	0	1.023	1025	2	12.870	25.740	
403	8	796	799	3	12.870	38.610	
404	8	883	887	4	12.870	51.480	
405	0	693	699	6	12.870	77.220	
406	8	867	869	2	12.870	25.740	
407	8	687	689	2	12.870	25.740	
408	8	736	738	2	12.870	25.740	
409	6	571	575	4	12.870	51.480	
410	8	573	578	5	12.870	64.350	
411	8	603	607	4	12.870	51.480	
412	8	633	636	3	12.870	38.610	
413	8	1.081	1085	4	12.870	51.480	
414	0	894	896	2	12.870	25.740	
501	6	416	419	3	12.870	38.610	
502	0	497	501	4	12.870	51.480	
503	0	640	640	0	12.870	0	
504	0	498	503	5	12.870	64.350	
505	0	344	348	4	12.870	51.480	
506	0	365	365	0	12.870	0	
507	5	652	657	5	12.870	64.350	
508	4	418	421	3	12.870	38.610	
509	2	546	549	3	12.870	38.610	
510	7	300	304	4	12.870	51.480	
511	8	655	659	4	12.870	51.480	
512	8	637	640	3	12.870	38.610	
513	6	428	431	3	12.870	38.610	
514	7	320	325	5	12.870	64.350	
Cộng	368			305		3.925.350	

(Bảng chữ: Ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm năm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV PHÓ TRƯỞNG PHÒNG	TT DV TỔNG HỢP PHÓ GIÁM ĐỐC	TỔ KÝ TÚC XÁ	NGƯỜI ĐỌC SỐ	NGƯỜI LẬP
---------------------------------------	--------------------------------	--------------	--------------	-----------

ThS. Ngô Xuân Hoà	ThS. Lê Xuân Hưng	Trần Xuân Nam	Dương Văn Thanh	Trần Thị Hà
-------------------	-------------------	---------------	-----------------	-------------